

NGHỀ RÈN SẮT Ở LÀNG VÂN CHÀNG, HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH TỪ THẾ KỶ XIV ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỶ XIX

BÙI VĂN HUỲNH*

1. Khái quát về làng Vân Chàng

Làng Vân Chàng trước kia là một trong 7 thôn của xã Nam Giang (nay là Thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định). Cách Thành phố Nam Định 9km về phía Nam. Năm 2003, khi xã Nam Giang được công nhận là Thị trấn Nam Giang thì các thôn làng trong xã được chia tách lại thành 17 tổ dân phố của Thị trấn. Trong đó, làng Vân Chàng được chia thành tổ dân phố số 14 và 15.

Mảnh đất Vân Chàng đã có người sinh sống từ khá sớm. Thế kỷ XI ở đây đã có một cộng đồng dân cư đông đúc. Theo sách *Nam Định tỉnh địa dư chí mục lục* của Đốc học Nam Định Nguyễn Ôn Ngọc viết năm 1893 thì Vân Chàng “vốn có tên cổ là Bà Tràng” (1). Thế kỷ XIV, làng này được đổi tên là làng Hoa Chàng, thuộc xã Chân Đàm, huyện Tây Chân, lộ Thiên Trường theo tên gọi làng quê của sáu vị tổ nghề rèn đã truyền dạy nghề cho dân làng (2).

Đầu thế kỷ XIX, huyện Nam Chân (3) gồm 13 tổng, 128 xã, thôn. Xã Chân Nguyên (4) lúc này là tổng Chân Nguyên gồm các xã: Chân Nguyên, Hoa Chàng, Kinh Lũng, Đồng Côi, Gia Ngân và Thanh Khê. Như vậy, đến đầu thế kỷ XIX, làng Hoa Chàng từ một làng đã trở thành một xã thuộc tổng Chân Nguyên.

Thời Thiệu Trị (1841-1847), xã Hoa Chàng thuộc tổng Chân Nguyên được đổi tên là Vân Chàng do kỵ húy thân mẫu của vua là bà Hồ Thị Hoa. Tên Vân Chàng chính thức xuất hiện từ đây. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, đơn vị hành chính cấp tổng bị bãi bỏ, các làng, xã trước đó được sắp xếp thống nhất lại thì xã Vân Chàng được đổi thành làng Vân Chàng. Tên gọi làng Vân Chàng tồn tại đến năm 2003 sau đó được chia tách thành tổ dân phố số 14 và 15 của Thị trấn Nam Giang.

Vân Chàng nằm ở phía Bắc Thị trấn Nam Giang. Với vị trí này, làng Vân Chàng nói riêng cũng như Thị trấn Nam Giang nói chung có nhiều thuận lợi trong phát triển kinh tế, giao lưu văn hóa, xã hội với các trục đường giao thông quan trọng chạy qua. Làng Vân Chàng cũng nằm cách bến đò Kìa trên sông Đào (tức sông Vị Hoàng) khoảng 500m về phía Đông. Đây là bến đò ngang quan trọng nối huyện Nam Trực với huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Làng được ngăn cách với phần phía Nam Thị trấn bởi con sông Vân Chàng. Ba cây cầu bắc qua con sông này giúp kết nối làng Vân Chàng với các làng khác. Dải đất này nằm ở vùng đồng bằng không có đồi núi cũng như không tiếp giáp với rừng, biển. Làng Vân Chàng kéo dài 1.000m theo hướng đông - tây và có chiều

* ThS. Viện Sử học

rộng khoảng 150m theo chiều bắc - nam. Đường tỉnh lộ 490 (trước kia vốn là một con đường quan lộ) chạy qua phía tây làng. Từ Văn Chàng, đi lên phía bắc theo con đường này 9km thì đến Thành phố Nam Định, đi xuống phía nam đến các huyện Trực Ninh, Nghĩa Hưng, Hải Hậu của tỉnh Nam Định. Trong làng có 2 trục giao thông chính: ở trước làng dọc theo bờ sông Văn Chàng và sau làng ngăn cách khu dân cư trong làng với cánh đồng lúa phía bắc làng, cùng với đó là các dong ngõ nối liền 2 trục đường này, dân cư trong làng được bố trí sinh sống dọc theo hai trục đường và các dong ngõ tạo thành những hình chữ nhật. Làng có 13 dong ngõ được chia làm 3 xóm:

- Xóm Đông Thịnh gồm 5 dong: Đông Nhất, Đông Nhì, Đông Ba, dong Cau và dong Giữa.

- Xóm Hòa Bình gồm 3 dong: dong Đá (Thạch Chàng), dong Cầu (Lạc Thiện) và dong Đình.

- Xóm Tây Hòa gồm 5 dong: Thái Hòa, An Khánh, An Lạc, Nhà Thờ, và dong Phố.

Làng Văn Chàng tọa lạc trên một khu đất bằng phẳng, cao ráo. Về thể đất của làng được nhân dân tự hào truyền khẩu qua câu ca: “nam long, bắc phượng, tây tượng, đông kỳ”. Thần tích trong làng có ghi: “Văn Chàng là một làng có danh tiếng ở trấn Sơn Nam Hạ, phía tây làng có 1 gò đất rộng hình con voi phục, phía bắc làng có một mảnh đất hình con phượng che mặt trời, bảy ngôi sao chiếu thẳng vào và có 5 ngọn núi châu vè, phía đông có dải đất hình lá cờ, phía nam có sông chín khúc quanh co, phong cảnh thật là tuyệt đẹp” (5).

Diện tích đất canh tác nhỏ hẹp, không đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất nông nghiệp của nhân dân nên hoạt động kinh tế chính của người dân Văn Chàng là nghề rèn sắt truyền thống mà cha ông họ đã truyền lại.

2. Quá trình hình thành và phát triển nghề rèn sắt ở làng Văn Chàng từ thế kỷ XIV đến nửa đầu thế kỷ XIX

Sự hình thành nghề rèn ở làng Văn Chàng được phản ánh nhiều trong các thần tích, thần sắc, các thư tịch cổ và những câu chuyện kể dân gian tại địa phương. Tuy nhiên, khi nghiên cứu về sự hình thành nghề rèn Văn Chàng nhiều tác giả đã đưa ra những nhận định khác nhau:

Nhà nghiên cứu Lê Xuân Quang căn cứ vào một số tư liệu dân gian tại địa phương có nhắc đến việc: thời vua Lý Nhân Tông (1072 - 1127) khi thiền sư Từ Đạo Hạnh đưa mẹ về lánh nạn tại xã Chân Đàm, huyện Tây Chân (6) lập nên ngôi chùa Đại Bi để tu hành. Trong quá trình dựng chùa đã có sự góp công sức và tiền của của nhân dân địa phương thuộc 3 làng Văn Chàng, Giáp Tư và Giáp Ba (thuộc Thị trấn Nam Giang ngày nay). Vì vậy, ngôi chùa này là ngôi chùa chung của 3 làng. Đặc biệt là quá trình xây dựng chùa đã có một số thợ rèn làng Văn Chàng tham gia rèn những dụng cụ bằng sắt phục vụ cho việc dựng chùa. Tác giả Lê Xuân Quang cũng căn cứ vào thánh phả (7) và những câu hát rói (8) trong lễ hội chùa Đại Bi để khẳng định điều này. Trong văn hát rói ở chùa Đại Bi có những câu ca ngợi công việc làm rèn như:

“... Đò lò nấu sắt nên đồng

Nấu chì nên bạc, thần thông ai bằng...”.

Từ những tư liệu dân gian trên, tác giả Lê Xuân Quang đã khẳng định: “Theo thánh phả và nghi lễ hát rói chùa Đại Bi thì làng rèn Văn Chàng có từ thế kỷ XI và trở thành làng rèn nổi tiếng ở thế kỷ XIV” (9).

Khác với quan điểm của nhà nghiên cứu Lê Xuân Quang, các tác giả sách *Địa chí Nam Định* cho rằng: “Vào đời vua Trần Nhân Tông (1279- 1293), nghề rèn sắt đã được du nhập vào làng Văn Chàng. Khi đó làng có 15 cụ tổ thuộc 15 dòng họ gồm Đoàn,

Trần, Vũ, Nguyễn, Đỗ, Ngô... được sáu ông thấy từ nơi khác truyền dạy. Để ghi nhớ công lao, quê hương Văn Chàng đã tôn sáu ông thầy dạy nghề là Lục vị Thánh sư, lập đền thờ làm Thành hoàng của làng” (10). Như vậy, theo *Địa chí Nam Định*, nghề rèn được hình thành ở làng Văn Chàng vào khoảng cuối thế kỷ XIII.

Một số nhà nghiên cứu khác lại cho rằng nghề rèn sắt ở làng Văn Chàng được hình thành ở thế kỷ XIV. Tác giả Phan Đại Doãn, Nguyễn Quang Ngọc căn cứ vào “*Thần tích Lục vị Tổ sư*” ở đền làng Văn Chàng khẳng định: nghề rèn ở làng Văn Chàng có từ thời vua Trần Dụ Tông (1341-1369) (11). Cùng quan điểm này thì một số tác giả của Viện Sử học cũng cho là các vị tổ nghề rèn Văn Chàng đã đến đây vào thời vua Trần Dụ Tông và: “Lúc đầu, không phải họ đã lập nghiệp ngay bằng nghề rèn mà là bỏ của ra dựng nhà và chiêu tập dân đình khai phá đất hoang, đào mương máng. Quá trình lao động của họ đã biến vùng đầm lầy, lau sậy thành đồng ruộng, làng xóm phát triển. Trên cơ sở đó, họ dạy dân nghề rèn sắt” (12). Như vậy, theo một số quan điểm này thì nghề rèn Văn Chàng được hình thành từ giữa thế kỷ XIV. Các tác giả sách *Đại cương lịch sử Việt Nam* lại cho là nghề rèn ở đây được hình thành ở cuối thế kỷ XIV: “Vào cuối thế kỷ XIV nghề rèn sắt từ Hoa Chàng (nay là Trung Lương, Hà Tĩnh) truyền ra phía bắc lập làng rèn Hoa Chàng mới (nay là Văn Chàng, Nam Định)” (13).

Qua ý kiến của các nhà nghiên cứu chúng tôi cho rằng: theo nhà nghiên cứu Lê Xuân Quang làng Văn Chàng có nghề rèn ở thế kỷ XI, ban đầu có thể chỉ là một vài hộ làm nghề rèn đơn lẻ để cung cấp một phần dụng cụ cho dân làng làm nông nghiệp chưa thực sự là một làng rèn với đa phần dân số làm nghề này. Các tác giả sách *Địa chí Nam Định*

cho rằng nghề rèn ở làng có từ thời vua Trần Nhân Tông, tuy nhiên chưa có cứ liệu cụ thể để chứng minh cho nhận định này. Trong khi các tác giả: Phan Đại Doãn, Nguyễn Quang Ngọc và các tác giả của Viện Sử học căn cứ vào thần tích làng Văn Chàng do chính dân làng soạn ra (14) đã phản ánh có phần chính xác hơn.

Thần tích Lục vị Tổ sư làng Văn Chàng cho biết: vào năm Thiệu Phong thứ nhất đời vua Trần Dụ Tông (1341) có sáu người thợ rèn là Phạm Nguyệt, Từ Cung, Từ Hấu, Nguyễn Nga, Nguyễn Thận, Đỗ Bào gánh lò bễ đi khắp nơi để rèn nông cụ bán cho nhân dân. Các vị theo đường thủy đi đến mảnh đất Văn Chàng. Khi dừng chân lại mở lò rèn, thấy nơi đây phong cảnh hữu tình, đất đai màu mỡ, lại nằm cạnh con đường cái nên có ý muốn ở lại định cư lâu dài. Khi ấy làng có 15 dòng họ cùng sinh sống. Các ông đã cùng dân làng tổ chức khai hoang thêm ruộng đất, khơi thông thủy lợi để canh tác nông nghiệp. Khi đất đai mở rộng, ruộng đồng tươi tốt, các ông đã mở trường dạy kỹ nghệ để dân trong làng đến học. Có nhiều người đã theo học thành nghề, việc dạy nghề chủ yếu là chế tạo các đồ sắt thường dùng hàng ngày.

Đến ngày 15-11 (Âm lịch) niên hiệu Long Khánh thứ 2 (1374) đời vua Trần Duệ Tông, các Tổ cáo từ làng về quê không cần chút báo đáp gì cả. Nhân dân cảm công đức nên sửa sang đền làng làm nơi thờ tự (15). Do không biết ngày tạ thế của các vị Tổ nên nhân dân lấy ngày các vị rời làng làm ngày kỵ giỗ hàng năm. Cũng trong thời gian lưu lại làng, nhân dân được biết quê của sáu vị Tổ là làng Hoa Chàng, tổng Trung Lương, phủ Đức Thọ (nay thuộc phường Đức Thuận, Thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh). Từ đó, nhân dân cũng đổi tên làng thành làng Hoa Chàng theo tên làng quê của các vị Tổ.

Cùng với bản *Thần tích* ghi rõ họ tên, que quán sáu vị tổ nghề rèn của làng thì nhân dân làng Vân Chàng còn xây dựng một ngôi đền thờ, tổ chức lễ hội tưởng nhớ công đức của các vị tổ. Điều này chứng tỏ việc sáu vị thợ rèn truyền nghề cho nhân dân Vân Chàng ở thế kỷ XIV là có thật và nghề rèn sắt chính thức du nhập vào làng Vân Chàng ở giữa thế kỷ XIV. Quá trình hình thành nghề rèn thực sự ở đây diễn ra trong khoảng thời gian từ năm 1341 đến năm 1374 và nguồn gốc nghề rèn chính là từ các thợ rèn Hà Tĩnh truyền dạy cho nhân dân.

Làng Vân Chàng trở thành làng rèn thực sự ở thế kỷ XIV. Trong khi hầu hết những làng rèn nổi tiếng ở vùng đồng bằng và trung du Bắc Bộ đều chưa xuất hiện hoặc chưa phát triển mạnh. Ở thời Trần, cuối thế kỷ XIII, làng Cao Dương (xã Thụy Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình) đã từng là một trung tâm rèn sắt, chuyên cung cấp vũ khí cho quân đội trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên lần thứ 3 (1288). Nghề rèn ở đây do một gia nô của Trần Hưng Đạo là nhân vật Dã Tượng đứng đầu (16). Việc sản xuất ở đây chủ yếu là vũ khí phục vụ cho kháng chiến. "Các loại vũ khí được sản xuất từ đây rồi xuôi theo sông Hóa đến tận tay quân Trần... Đây là một di tích có liên quan đến cuộc kháng chiến, đánh đuổi ngoại xâm" (17). Những bằng chứng khảo cổ học cho thấy nghề rèn làng Cao Dương có thể là một quan xưởng sản xuất vũ khí của Nhà nước thời Trần.

Làng rèn Đa Hội (nay thuộc phường Châu Khê, Thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) được hình thành ở thế kỷ XVI. Thuận Quận công Trần Đức Huệ là người có công truyền dạy nghề cho dân làng nên được tôn làm tổ nghề rèn ở làng Đa Hội (18). Một làng rèn nổi tiếng khác ở Nam Định là làng rèn Bảo Ngũ (xã Quang Trung, huyện Vụ Bản) thì

đến thế kỷ XVII mới có nghề rèn (19). Làng rèn Đa Sĩ (nay thuộc phường Kiến Hưng, quận Hà Đông, TP. Hà Nội) cũng là một làng rèn nổi tiếng của Bắc Bộ. Nghề rèn ở đây được hình thành từ khi nào thì hiện nay vẫn chưa được xác định rõ. Tuy nhiên, trước Cách mạng Tháng 8-1945, làng Đa Sĩ chưa thể là một làng rèn thực sự nổi tiếng. "Trước Cách mạng tháng 8 năm 1945, nghề rèn Đa Sĩ không phát triển lắm, lúc đó cả làng chỉ có hơn hai mươi nhà mở lò rèn... Từ những năm 1950 trở lại đây, nghề rèn mới thực sự phát triển mạnh mẽ" (20).

Làng Vân Chàng có nghề rèn sớm hơn so với nhiều làng rèn khác ở đồng bằng Bắc Bộ là một điều kiện quan trọng cho sự phát triển nhanh chóng và mạnh mẽ của nghề rèn ở đây.

Sau khi có nghề rèn trong tay, các thợ rèn Vân Chàng đã nhanh chóng phát huy kỹ thuật của mình để sản xuất ra nhiều sản phẩm phục vụ đời sống nhân dân trong làng cũng như những vùng lân cận. Nghề rèn ở đây đã có những bước phát triển để dần trở thành một trong những nơi rèn sắt nổi tiếng của cả nước. Những sản phẩm chính của thợ rèn Vân Chàng thường là những nông cụ hoặc dụng cụ sinh hoạt gia đình như dao, kéo, liềm, cuốc... bên cạnh những sản phẩm chính này thì thợ rèn Vân Chàng trong quá trình phát triển kỹ thuật cũng sản xuất ra nhiều sản phẩm độc đáo khác.

Đầu thế kỷ XV, trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo đánh đuổi quân Minh ra khỏi đất nước, các thợ rèn Vân Chàng cũng có những đóng góp quan trọng cho cuộc khởi nghĩa. Khi cuộc khởi nghĩa phát triển mở rộng ra Bắc Bộ, nhiều thợ rèn Vân Chàng đã tham gia trong hàng ngũ nghĩa quân Lam Sơn và đảm trách công việc rèn vũ khí. Trong khởi nghĩa Lam Sơn thì thợ rèn Vân Chàng đã tham gia chế tạo nhiều

vũ khí độc đáo, trong số đó có những ống lệnh bằng sắt, ống lệnh (súng lệnh) là một dụng cụ dùng để nhồi thuốc pháo vào ống rồi châm lửa cho phát ra tiếng nổ làm hiệu lệnh tiến công cho quân sĩ. Hiện nay, một số ống lệnh có niên đại từ thế kỷ XV vẫn còn lưu giữ tại đền làng Văn Chàng như những chứng tích cho những đóng góp của dân làng trong khởi nghĩa Lam Sơn. Ngoài những ống lệnh trên thì ở đền làng Văn Chàng cũng còn lưu giữ một con dao phát bờ từ thời kỳ này (21). Dao phát bờ là một dụng cụ trong nông nghiệp được dùng để phát cỏ trên các bờ ruộng. Trong khởi nghĩa Lam Sơn, nhiều nông dân địa phương đã linh hoạt dùng chính loại dao này để làm vũ khí chiến đấu (22).

Các thợ rèn làng Văn Chàng không chỉ sản xuất những dụng cụ sinh hoạt gia dụng, mà họ đã có thể sản xuất được vũ khí phục vụ chiến đấu. Đây là một bước phát triển mới của nghề rèn Văn Chàng.

Từ thế kỷ XVI - XVIII, bên cạnh một số làng nghề rèn sắt khác cùng xuất hiện ở đồng bằng Bắc Bộ như làng Đa Hội (Bắc Ninh), làng Bảo Ngũ (huyện Vụ Bản, Nam Định) thì nghề rèn ở làng Văn Chàng vẫn đứng vững và phát triển. Sản phẩm của họ vẫn được ưa chuộng bởi mẫu mã đẹp và chất lượng tốt. Câu tục ngữ lưu truyền thời Lê Trung Hưng "móng Kiên Lao, dao Văn Chàng" (23) đã cho thấy uy tín và chất lượng của sản phẩm làng rèn Văn Chàng. Thời kỳ này, nhân dân vùng Tam Tổng, huyện Nga Sơn, Thanh Hóa vẫn thường mua dao Văn Chàng về chế cối (24). Về không gian phát triển của nghề rèn Văn Chàng cũng được mở rộng hơn trước. Gia phả của một số dòng họ trong làng có nhắc đến việc các thợ rèn Văn Chàng đã di "làm đám" ở những địa phương xa như Thái Bình, Ninh Bình (25).

Vào thời Nguyễn, ở nửa đầu thế kỷ XIX: nghề rèn Văn Chàng đã có bước phát triển

manh mẽ. Các đám thợ rèn Văn Chàng tiếp tục đi làm ở nhiều tỉnh xung quanh. Tay nghề của thợ rèn Văn Chàng cũng được nâng lên cao hơn. Gia phả của một số dòng họ (26) cho biết đã có những người được Nhà nước trưng tập làm "tượng mục" hay "thù bộ chư dinh tự mục" (27).

Thợ rèn Văn Chàng không chỉ biết rèn sắt mà họ còn là những người đúc nên quả chuông chùa Đại Bi bằng đồng: năm Minh Mạng thứ 18 (1837), nguyên Bồng Sơn Tri huyện Trần Bạt Tuy (28) là người đứng hưng công một nhóm thợ Văn Chàng đúc quả chuông lớn (29) (1800 kg) treo trên gác chuông được làm bằng gỗ lim. Sau khi đúc chuông, Trần Bạt Tuy có làm 1 bài văn bia ở chùa (30).

Thợ rèn Văn Chàng cũng sản xuất ra nhiều sản phẩm mang tính mỹ thuật cao dùng để trang trí trong các đền, chùa, miếu như cây đèn Lương long triều nguyệt, đèn Nhị thập bát tú ở đền làng Văn Chàng (31), các mặt hồ phù, hình rồng, chim phượng bằng sắt trang trí ở chùa Đại Bi và một số đền, chùa khác. Đặc biệt, thợ rèn Văn Chàng đã làm ra ổ khóa hom (32) có hình con chim phượng rất được ưa thích ở các đền, chùa và những nhà quyền quý.

Như vậy, đến đầu thế kỷ XIX, nghề rèn ở làng Văn Chàng đã có những bước phát triển vượt bậc, đã có những người thợ giỏi có danh tiếng được nhiều nơi biết đến. Các sản phẩm đã tiến thêm một bước trong chế tác các mặt hàng mang tính thẩm mỹ.

3. Kỹ thuật rèn và cách thức tổ chức sản xuất của thợ rèn làng Văn Chàng

Về kỹ thuật rèn sắt

Nghề rèn sắt cũng như những nghề thủ công truyền thống khác dưới thời quân chủ Việt Nam chủ yếu được làm từ lao động của những người thợ thủ công mà không có sự hỗ trợ của máy móc. Quy trình rèn sắt ở làng Văn Chàng xưa cũng giống như ở các làng

rèn khác bao gồm nhiều công đoạn: Từ việc lựa chọn nguyên liệu, cho sắt vào nung trong lò với nhiệt độ cao rồi mang lên ghè, đập định hình sản phẩm cần làm. Sau khi sản phẩm đã được định hình là công đoạn mài, dũa chau chuốt cho sản phẩm được hoàn thiện đúng với ý định của người sản xuất và đưa ra tiêu thụ.

Nghề rèn sắt là một nghề nặng nhọc, cần nhiều sức lao động của người thợ. Mỗi lò rèn thường phải có ít nhất từ 3 đến 5 thợ đảm trách những công việc khác nhau như chăm lo than, củi cho lò rèn, người trực tiếp quai búa rèn sắt và quan trọng nhất là người thợ cả có trách nhiệm bao quát toàn bộ quá trình sản xuất, phân công lao động, phối hợp nhịp nhàng giữa những người thợ. Về cơ bản, quy trình sản xuất của các lò rèn truyền thống ở mỗi địa phương khá giống nhau. Tuy nhiên, với nghề rèn ở làng Vân Chàng còn có một công đoạn quan trọng là chuẩn bị sắt nguyên liệu. Việc chuẩn bị nguyên liệu của thợ rèn Vân Chàng là luyện sắt vụn, phế liệu để biến chúng thành sắt nguyên chất. Đây là công đoạn đầu tiên có vai trò vô cùng quan trọng trong quy trình sản xuất. Bởi vậy, các thợ rèn Vân Chàng đã dùng chính những thứ sắt vụn phế liệu để biến chúng thành những cục sắt nguyên liệu. Đây là nét độc đáo của nghề rèn ở nơi này so với nhiều làng rèn truyền thống khác trong cả nước. Kỹ thuật này được gọi là “ấu sắt”. Kỹ thuật ấu sắt chính là bí quyết gia truyền của nghề rèn ở làng Vân Chàng.

Kỹ thuật ấu sắt: Người thợ dùng miếng sắt lớn ghè bẹp làm áo rồi cho các miếng sắt vụn phế liệu vào giữa, dùng kim, búa đánh kín lại giống như một gói sắt gọi là “nác sắt”, sau đó cho nác sắt vào lò nung ở nhiệt độ cao đến khi miếng sắt trong lò đỏ lên rồi chuyển màu trắng gần như sắp chảy ra. Lúc này người thợ cả gấp miếng sắt lên đe, một thợ khác dùng búa lớn đánh liên tục, trong khi thợ cả dùng

kim quay trở đều tay. Các thợ rèn cứ làm như vậy liên tục hai đến ba lần thì thành một cục sắt. Khâu ấu sắt là một công đoạn vô cùng nặng nhọc. Trong công đoạn này, yêu cầu người thợ cả phải quay trở đều tay, nhịp nhàng phối hợp với thợ quai búa để tránh việc đặt lệch miếng sắt khiến thợ đập sắt đập trượt tay, miếng sắt có thể bay ra ngoài gây thương tích cho người làm. Với thợ quai búa cần đập cật lực, nếu thợ rèn đập không đủ mạnh tay gì sắt vẫn còn bám trên miếng sắt thì không thể thành sắt nguyên chất được. Khi đập sắt, những gì sắt nóng bắn tung ra xung quanh rất dễ làm bỏng người thợ. Bởi vậy, khâu này cần có những thanh niên khỏe mạnh, nhanh nhẹn mới làm được.

Kỹ thuật ấu sắt là một sáng tạo của thợ rèn Vân Chàng nhằm khắc phục điểm bất lợi của họ là không có nguồn cung cấp nguyên liệu trực tiếp. Trong khi ở nhiều làng rèn khác, các lò rèn thường được đặt ở gần nơi có quặng sắt và có một bộ phận người chuyên chuẩn bị nguyên liệu cho thợ rèn hoặc là nguyên liệu sắt có thể được nhập từ nơi khác về: với làng rèn Nho Lâm (Nghệ An), lò rèn của họ đặt ở nơi cư trú, còn quặng sắt được lấy ở núi thuộc khu vực Trường Sơn cách Nho Lâm về phía nam hơn 10 km (33). Ở Nho Lâm cũng có cả một phường quán chuyên luyện sắt cung cấp cho phường rèn. Nghề rèn ở Trung Lương (Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh) thì nguồn sắt cung cấp cho họ có ngay ở Rú Tiên trên dãy Hồng Lĩnh (34). Nghề rèn ở vùng Thắng (huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang) và làng Đa Hội (Bắc Ninh) thì được cung cấp sắt và than từ các quặng, mỏ ở Thái Nguyên (35). Trong khi làng rèn Bảo Ngũ ở Nam Định có quan hệ chặt chẽ với làng rèn Nho Lâm nên họ cũng mua sắt nguyên liệu từ Nho Lâm. Với làng rèn Hiền Lương (Thừa Thiên Huế), “nguồn nguyên, nhiên liệu cho nghề rèn cũng phong phú. Cách làng chừng 7-10 km trên các núi Đống Lâm, Thanh Tân...

Buổi đầu thợ rèn Hiến Lương lên đày đào lấy quặng đưa về làng luyện thành sắt để chế tạo sản phẩm. Về sau họ thấy làm như vậy tốn quá nhiều công sức, năng suất thấp nên đã lập lò luyện ngay tại chỗ... Nhưng vì chất lượng không được tốt nên họ còn mua thêm sắt Nghệ (sắt dưới chuột)” (36).

Việc tự chuẩn bị nguồn nguyên liệu của thợ rèn Văn Chàng tuy có vất vả hơn so với các làng rèn khác nhưng nó cũng góp phần tiết kiệm hơn so với việc đi mua (vì nguyên liệu chủ yếu là sắt phế liệu) và cũng khắc phục được điều kiện bất lợi của địa phương là không có quặng sắt tự nhiên. Nó cũng giúp thợ rèn chủ động hơn về mặt nguyên liệu khi đi làm lưu động ở nơi khác mà không cần gánh theo nguyên liệu từ nhà.

Cách thức tổ chức sản xuất

Mỗi làng nghề thủ công đều có một cách thức tổ chức sản xuất riêng biệt để duy trì và phát triển ngành nghề của họ. Đối với những làng rèn như làng Văn Chàng khi thủ công nghiệp là nghề chính và bên cạnh đó còn một bộ phận người làm nông nghiệp thì họ cũng cần có phương thức tổ chức sản xuất phù hợp để phân phối sức lao động cho cả hai công việc nặng nhọc này nhằm đảm bảo sản xuất thủ công mà không bỏ ruộng đất hoang hóa.

Ngoài việc tổ chức các lò rèn tại nhà sản xuất trong những ngày bình thường thì làng Văn Chàng còn có một hình thức tổ chức sản xuất đặc biệt khác là đi “làm đám”. Thường thì mỗi năm thợ rèn Văn Chàng sẽ có 2 lần đi làm đám: Vào đầu năm, sau khi ăn tết Nguyên Đán thì ngày mồng 8 tháng Giêng, làng sẽ tổ chức một hội thi tay nghề như là một bước khởi động cho một năm làm việc mới. Sau đó, ngày rằm tháng Giêng, các thợ rèn sẽ làm lễ kính cáo tổ tiên, tổ nghề để đi làm đám. Sau khi đi làm đám về, những người thợ lại trở về với công việc thường ngày bên các lò rèn. Đến đầu tháng 5 (âm lịch) thì các

thợ rèn lại làm lễ kính cáo để đi làm đám một lần nữa. Sở dĩ việc đi làm đám của các thợ rèn Văn Chàng xưa diễn ra hai lần vào những thời điểm như trên là vì theo nhu cầu công việc. Trước mỗi vụ thu hoạch thì nhu cầu của nông dân thường muốn có những công cụ sắc bén để phục vụ cho công việc thu hoạch sản phẩm và gieo trồng vụ mới. Thợ rèn ở làng Văn Chàng được nhiều địa phương cử người đến mời họ về trực tiếp mở lò rèn tại địa phương phục vụ cho nhân dân. Việc làm đám của thợ rèn được tổ chức như sau:

Làng rèn Văn Chàng xưa được chia làm 4 giáp, mỗi giáp cử ra 3 ông trùm. Tổng cộng có 12 ông trùm. Mỗi ông trùm đứng đầu một đám thợ. Mỗi đám thợ thường có ít nhất 10 người. Các ông trùm thường là những người lớn tuổi, có uy tín và kinh nghiệm sản xuất. Ông trùm có trách nhiệm phân công công việc cho các thợ rèn, chăm lo lễ bái, gánh vác mọi trọng trách trong việc làng. Hoạt động nghề rèn của các đám thợ thường diễn ra ở những nơi có nhu cầu rèn và mua sản phẩm của nghề rèn Văn Chàng. Họ sẽ gồng gánh đồ nghề đi nơi khác để mở lò rèn tại chỗ phục vụ nhân dân địa phương. Để đón được các gánh thợ rèn Văn Chàng thì các địa phương có nhu cầu đó cần phải có một thủ tục là làm lễ “xin thợ”. Mỗi khi làng nào muốn xin thợ thì cần phải cử người đem trầu rượu đến lễ Thánh sư, xin phép các ông trùm cho thợ về quê mình rèn nông cụ cho nhân dân. Căn cứ vào từng nhu cầu cụ thể mà các ông trùm sẽ cử thợ đi làm đám ở địa phương đó. Thợ được cử đi sẽ mang theo đồ nghề tới nơi cần làm đám dựng lò rèn tạm thời để rèn nông cụ cho nông dân. Sau khi đã đáp ứng đủ nhu cầu công cụ cho nhân dân địa phương thì các đám thợ sẽ tự giải tán, thu dọn đồ nghề và trở về làng quê để tiếp tục công việc hàng ngày và chờ đến mùa làm đám sau. Những thợ rèn của làng khi đã vào đám thì đám này cũng sẽ được truyền mãi cho con cháu đời sau, ai

muốn làm thay thì phải được sự đồng ý của ông chủ đám (ông trùm).

Làng Vân Chàng cũng có một bộ phận làm nông nghiệp. Vì vậy, việc sản xuất nông nghiệp của làng này thường diễn ra muộn hơn so với các làng khác. Bởi trước mỗi khi mùa vụ thường thì hầu hết số thợ rèn kéo nhau đi làm đám ở các địa phương. Sau khi những người thợ này trở về thì họ mới bắt đầu công việc làm nông của mình.

Cách tổ chức làm đám của thợ rèn Vân Chàng có điểm khác so với cách thức tổ chức của một số làng rèn khác. Với làng rèn Nho Lâm là một làng rèn có tổ chức cao và khá phát triển trong thời kỳ Trung đại thì làng này đã có tổ chức phường hội chặt chẽ. Những lao động trong làng được tập hợp trong các "phường" chuyên môn như phường quánh là những người chuyên khai thác quặng và luyện sắt cung cấp nguyên liệu cho các lò rèn, phường than là những người đốt than cung cấp cho thợ rèn, phường thợ là những thợ chuyên làm rèn (37)... Phường hội là một hình thức tổ chức cao trong nghề thủ công truyền thống Việt Nam, nó có ưu điểm là tập hợp được những người cùng chuyên môn làm cùng một công việc như nhau, thể hiện sự chuyên nghiệp trong phân công lao động, đem lại năng suất cao. Tuy nhiên tổ chức kiểu này phù hợp với những ngành nghề chuyên nghiệp, nó khó phát huy được khả năng lao động tổng hợp của con người. Nhất là trong xã hội truyền thống Việt Nam vốn coi trọng nông nghiệp. Dù nghề thủ công có phát triển đến đâu thì người dân cũng không rời bỏ hoàn toàn nông nghiệp.

Làng rèn Hiền Lương có tổ chức "hàng kinh". Các thợ rèn tập hợp nhau lại trong từng "kinh" nhằm hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau cùng phát triển dưới sự quản lý của một ông "kinh trưởng" (38). Hình thức này gần giống với hình thức làm đám của thợ rèn Vân Chàng. Tuy nhiên, cách thức và thời gian

hoạt động của các kinh khác với các đám. Khi tổ chức các kinh đi làm rèn ở các địa phương thì thường các thợ rèn sẽ cư trú ổn định ngay ở địa phương mà họ đến. Hàng năm chỉ đến ngày tết hoặc có công việc trong làng thì họ mới trở về lễ Tổ tiên, tổ nghề. Vì vậy, những người theo các kinh đi làm ăn ở nơi khác thì gần như họ không còn là người làng Hiền Lương nữa, ruộng đất của họ cũng do người khác trông cây. Còn với việc làm đám của người làng Vân Chàng thì chỉ là đi làm mang tính chất thời vụ, họ vẫn đảm bảo không ly hương như ở Hiền Lương.

Việc mua bán, tiêu thụ sản phẩm của nghề rèn ở làng Vân Chàng diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau. So với các làng rèn khác thì phương thức trao đổi sản phẩm của làng Vân Chàng phong phú và đa dạng hơn. Mỗi phương thức có những ưu điểm riêng giúp quá trình đưa sản phẩm từ nơi sản xuất đến tay người tiêu dùng diễn ra thuận lợi: Đối với các lò rèn sản xuất tại nhà thì sản phẩm làm ra chủ yếu được đưa đi tiêu thụ tại các chợ làng, hoặc cũng có những khách mua hàng trực tiếp đến tại lò để đặt mua sản phẩm. Khi đi làm đám, sản phẩm làm ra lại chủ yếu tiêu thụ tại chỗ, có thể là thợ rèn rèn nóng cụ phục vụ nhân dân. Cũng có trường hợp các làng xã cử người về tận làng Vân Chàng để làm lễ "xin thợ" cho họ về phục vụ công việc sửa sang đình chùa. Ngoài ra, ở làng Vân Chàng còn 1 kênh tiêu thụ đặc biệt khác là việc mua bán sản phẩm tại chợ Viêng. Đây là một chợ đặc biệt ở làng Vân Chàng chỉ họp duy nhất một lần trong năm vào ngày mồng 8 tháng Giêng (39) (Âm lịch).

4. Nhận xét

Nghề rèn ra đời ở làng Vân Chàng từ thế kỷ XIV là một trong những làng rèn xuất hiện sớm ở vùng đồng bằng Bắc Bộ. Cùng với những điều kiện thuận lợi về tự nhiên cũng như kinh tế, xã hội và sự ưu ái của vương triều Trần dành cho mảnh đất Thiên Trường

- Nam Định thì nghề rèn ở đây đã nhanh chóng phát triển trở thành một trong những làng rèn nổi tiếng trong cả nước.

Là một làng rèn ở vùng đồng bằng, trong điều kiện sản xuất thiếu nguồn nguyên liệu tự nhiên, thợ rèn Văn Chàng đã có sự sáng tạo trong việc tự tạo ra nguồn nguyên liệu phục vụ chỗ mình thông qua kỹ thuật ấu sắt. Việc biến những miếng sắt phế liệu, những đồ dùng đã cũ, hong thành sắt nguyên chất cung cấp cho nghề rèn vừa góp phần tiết kiệm chi phí mua nguyên liệu, lại đảm bảo nguồn cung cấp nguyên liệu thường xuyên, cơ động cho thợ rèn Văn Chàng khi sản xuất tại nhà cũng như khi đi làm lưu động. Đây là một trong những yếu tố giúp cho nghề rèn Văn Chàng tồn tại và phát triển liên tục từ khi ra đời. Kỹ thuật ấu sắt của thợ rèn Văn Chàng cũng cho thấy nghề rèn sắt không chỉ phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu sẵn có trong tự nhiên mà nó có thể phát triển nhờ vào việc tái sử dụng nguyên liệu cũ.

Sự phát triển của nghề rèn ở làng Văn Chàng mang lại nguồn thu nhập chính cho cư dân trong làng thông qua việc mua bán, trao đổi sản phẩm. Lực lượng lao động chính trong làng là những trai tráng khỏe mạnh hầu hết đều tham gia vào làm rèn. Trong hoạt động sản xuất của nghề rèn ở làng Văn Chàng có hình thức đi làm đám. Việc làm đám này diễn ra trong chính thời điểm thu hoạch và gieo cấy trong nông nghiệp, khiến cho nông nghiệp ở làng Văn Chàng phải nhường phần ưu tiên cho thủ công nghiệp. Mặc dù sản xuất trong làng Văn Chàng vẫn có sự kết hợp giữa nông nghiệp và thủ công nghiệp, tuy nhiên sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của nghề rèn Văn Chàng đã dần đẩy nông nghiệp xuống hàng thứ yếu. Việc sản xuất nông nghiệp bị đẩy xuống hàng thứ yếu ở làng Văn Chàng không ảnh hưởng nhiều đến vấn đề đảm bảo lương thực cho nhân dân trong làng. Bởi, qua việc đi làm đám, thợ rèn

Văn Chàng được trả công bằng nhiều hình thức: có thể họ nhận được tiền công lao động, cũng có khi họ được trả công bằng thóc lúa mới thu hoạch của các địa phương.

Quá trình phát triển nghề rèn ở làng Văn Chàng đã có nhiều đóng góp cho lịch sử, văn hóa của địa phương. Ngoài những đóng góp trong lịch sử kháng chiến chống ngoại xâm thông qua các loại vũ khí được rèn đúc và đóng góp về mặt văn hóa với những sản phẩm mang tính nghệ thuật. Từ một nghề thủ công chủ yếu sử dụng lao động chân tay, sức lao động được coi là khô khan, nhưng thông qua những sản phẩm mang tính mỹ thuật cao của thợ rèn Văn Chàng đã cho thấy sự sáng tạo, tài hoa và ý thức thẩm mỹ của người thợ thủ công Việt Nam trong lịch sử nói chung và ở làng Văn Chàng nói riêng.

Nghề rèn được du nhập vào làng Văn Chàng từ gần 7 thế kỷ trước, sau khi có nghề rèn trong tay, các thế hệ người Văn Chàng đã từng bước kế thừa và phát triển nó đạt đến trình độ kỹ thuật cao, sản phẩm tinh xảo. Từ thế kỷ XIV đến nửa đầu thế kỷ XIX là giai đoạn phát triển nghề thủ công thuần túy, truyền thống ở đây. Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được ở thời kỳ này, các thợ rèn Văn Chàng đã tiếp tục phát triển, du nhập thêm một số công đoạn, kỹ thuật mới, hiện đại từ phương Tây để đưa nghề rèn lên bước phát triển cao hơn trong giai đoạn tiếp theo. Đầu thế kỷ XX, thợ rèn Văn Chàng còn biết hàn nối trục bánh lái tàu thủy, sản xuất đèn hoa kỳ (40). Hiện nay, làng Văn Chàng là một trong những làng nghề truyền thống phát triển mạnh của tỉnh Nam Định. Năm 2005, cụm công nghiệp nông thôn Văn Chàng được Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Nam Định xây dựng hoàn tất với diện tích 21 ha và đón nhận 72 hộ gia đình ra sản xuất. Đây là một trong những cụm công nghiệp nông thôn đầu tiên của tỉnh Nam Định được xây dựng và hoạt động mang lại hiệu quả cao.

CHÚ THÍCH

(1). Nguyễn Ôn Ngọc: *Nam Định tỉnh địa dư chí mục lục* (bản dịch của Trần Lê Hữu), Tài liệu số hóa của Thư viện Nam Định, tr.92.

(2), (5), (15). *Thần tích Lục vị Tổ sư làng Vân Chàng* (bản dịch của Dương Văn Vượng) lưu tại Bảo tàng tỉnh Nam Định.

(3). Huyện Tây Chân đến cuối thế kỷ XVII đổi thành Nam Chân vì kiêng húy Tây Vương Trịnh Tạc (1675-1682).

(4). Cuối thế kỷ XVI, xã Chân Đàm cũng được đổi là xã Chân Nguyên do kỵ húy vua Lê Thế Tông (1573-1599) là Lê Duy Đàm.

(6). Nay là Thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

(7). *Thánh phả chùa Đại Bi* là một cuốn sách chép tay chữ Hán ghi chép về việc xây dựng chùa Đại Bi và một số nghi lễ, phong tục của nhân dân địa phương. Cuốn sách này được viết trên giấy dó, được biên tu nhiều lần và không xác định được rõ niên đại. Tài liệu hiện đang được lưu giữ tại chùa Đại Bi.

(8). Múa rối cạn hay còn gọi là trò ối Lôi là một hình thức nghệ thuật truyền thống của địa phương được biểu diễn trong lễ hội chùa Đại Bi vào các đêm 21, 22, 23 tháng Giêng (Âm lịch).

(9), (40). Lê Xuân Quang: *Làng rèn truyền thống Vân Chàng*, Tạp chí *Khoa học công nghệ & môi trường Nam Định*, số 2 năm 1997, tr. 57, 58.

(10). *Địa chí Nam Định*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr.823.

(11). Phan Đại Doãn, Nguyễn Quang Ngọc: *Những bàn tay tài hoa của cha ông*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1988, tr.37.

(12), (16). Trần Thị Vinh (Chủ biên), Hà Mạnh Khoa, Nguyễn Thị Phương Chi, Đỗ Đức Hùng: *Lịch sử Việt Nam*, tập 2: *từ thế kỷ X đến thế kỷ XIV*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2013, tr. 481, 481.

(13), (33). Trương Hữu Quỳnh (Cb), Phan Đại Doãn, Nguyễn Cảnh Minh: *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr.208, 208.

(14). Bản *Thần tích Lục vị Tổ sư làng Vân Chàng* không rõ được soạn từ năm nào. Tuy nhiên, vào năm Khải Định 3 (1918) được khắc lại lên bia đá. Cuối tấm bia có ghi "Năm Khải Định thứ 3 (1918) mưa to gió lớn ập tới, đến trải nhiều năm nhân thế xiêu vẹo, trong xã bàn việc tu sửa theo hướng tí ngộ như nay - Ngày tốt, tháng Chạp năm Khải Định thứ 3, cả xã ghi lại sự việc".

(17). Trương Hoàng Châu: *Đào thám sát di chỉ làng rèn sắt thời Trần ở Thụy Hưng (Thái Bình)*, Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 1987, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1988, tr.140-142.

(18). Theo http://baobacninh.com.vn/news_detail/83942/nghe-ren-sat-o-da-hoi.html (Truy cập ngày 20/8/2015): Thuận Quận công sinh ngày 6 tháng 4 năm Ất Mùi (1515) đời vua Lê Tương Dực, trong một gia đình có nguồn gốc ở trấn Sơn Nam chuyên nghề rèn sắt. Ông vốn yêu thích võ thuật nhất là môn vật, lại là người có sức khỏe phi thường, nên ông đã tham gia ứng thí và trở thành một võ tướng của triều đình nhà Mạc. Sau khi cáo quan về quê ở thôn Chính Đáp, ông Trần Đức Huệ mở ấp lập trại trên một dặm đất vuông bên dòng Châu Đàm và truyền dạy cho mọi người nghề nghiệp rèn sắt. Thôn Đa Hội chính thức được thành lập nên từ đó và ngày càng trở nên thịnh vượng. Ngày 9 tháng 4 năm Nhâm Dần (1602) ông Trần Đức Huệ tạ thế, thọ 88 tuổi. Dân làng và con cháu họ Trần ở làng Đa Hội nhớ ơn lập đền thờ và tôn thờ ông là vị tổ của họ Trần vừa là tổ sư nghề rèn sắt của làng Đa Hội.

(19). Theo sách *Nam Định tỉnh địa dư chí mục lục* thì nghề rèn ở Bảo Ngũ có quan hệ với nghề rèn ở Nho Lâm. Người có công giúp nhân dân làng Giáp Nhất (Bảo Ngũ) học được nghề rèn của thợ rèn Nho Lâm là bà Trần Thị Ngọc Đài. Bà vốn là một kỹ nữ ở làng Thông Khê, lấy chồng về Bảo Ngũ. Sau khi chồng bà qua đời, "lấy Tráng Quận công sinh được một con trai. Khi Tráng Quận công mất, chúa Trịnh thành tổ thấy nàng có sắc đẹp mới đưa vào hậu cung, ngày càng yêu quý, lập làm Thái Phi". Bà có lòng thương dân, về làng Bảo Ngũ cấp ruộng, cho tiền khuyến khích dân Bảo Ngũ mở chợ Dân, phát triển nghề thủ công và giúp cho dân Giáp Nhất phát triển

nghe rèn. Thợ rèn Bảo Ngũ dần tập trung thành phường rèn.

(20). Nguyễn Ngọc Thanh: *Đôi nét về nghề rèn Đa Sĩ*, Viện nghiên cứu Văn hóa: *Tổng tập nghề và làng nghề truyền thống Việt Nam*, Tập 2: Nghề chế tác kim loại, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2012, tr.960.

(21). Hiện nay, đền làng Văn Chàng còn lưu giữ được 2 khẩu súng lệnh và 1 con dao phát bờ làm bằng sắt có niên đại từ thế kỷ XV:

- Súng lệnh lớn: chiều cao xấp xỉ 60 cm, đường kính miệng súng 120mm, trọng lượng xấp xỉ 40kg.

- Súng lệnh nhỏ: có hình dáng tương tự súng lớn, tuy nhiên kích thước và trọng lượng nhỏ hơn. Chiều cao 25 cm, đường kính 120 cm, nặng 15 kg.

- Dao phát bờ có lưỡi rộng 20cm, sống dao dày 2cm, dài 80cm, tráp vào cán dài 73cm, có một khâu, 3 nén, 3 đinh chốt vào cạy dao và cán dao.

(22). Chuyện dân kể tại địa phương và gia phả họ Đoàn ở thôn Giáp Nhất, Thị trấn Nam Giang còn ghi lại câu chuyện về một thanh niên họ Đoàn khi đang làm ruộng thì có một toán quân Minh thua trận chạy qua cánh đồng làng, anh thanh niên đã dùng con dao này chiến đấu và tiêu diệt đám giặc Minh. Sau đó người thanh niên về báo cho dân làng. Nhân dân mang xác giặc chôn ở gò đất giữa cánh đồng. Gò này về sau được gọi là "Mả Tàu". Người thanh niên sau đó đã dẫn theo 1 đám thanh niên làng gia nhập nghĩa quân Lam Sơn.

(23). Làng Kiên Lao (nay thuộc các xã Xuân Kiên và Xuân Tiến, huyện Xuân Trường, Nam Định) là nơi có thổ nhưỡng chủ yếu là đất thịt rắn chắc nên lưỡi móng (mai) của họ sử dụng để lộn đất vườn phải sắc như nước.

(24). Lê Xuân Quang: *Nam Trục - Văn hóa lịch sử qua các thời đại*, Sở Văn hóa Thông tin Nam Định xuất bản năm 2001, tr.120.

(25). Gia phả họ Trần Huy ở thôn Văn Chàng đã ghi lại việc ở đời thứ 6 (khoảng đầu thế kỷ XVIII) trưởng chi Giáp của dòng họ đã đi làm đám vào vùng Yên Mô (Ninh Bình) và định cư tại đó và đổi sang họ Đinh Trần (họ Đinh lấy theo họ của Đinh Tiên Hoàng, còn họ Trần là họ gốc). Chi ất ở lại giữ gìn

nhang khói từ đường. Hàng năm, người của họ Đinh Trần vẫn về quê bái Tổ.

(26). Theo gia phả họ Đoàn và họ Trần Chu thôn Văn Chàng.

(27). *Tượng mục* thời nguyên cũng giống như *Công tượng* thời Lê Sơ. *Thủy bộ chu dinh tự mục* là người đứng đầu một nhóm thợ sửa chữa vũ khí trong các doanh trại quân đội.

(28). Trần Bạt Tuy là người họ Trần Huy, thôn Văn Chàng. Năm 1815, ông đỗ kỳ thi khảo hạch dưới thời vua Gia Long (1802-1819) và được bổ làm Tri huyện huyện Bồng Sơn (Bình Định). Khi về trí sĩ ông đã trở lại làng Văn Chàng để mở lớp dạy học cho con cháu.

(29). Năm 1989, chùa Đại Bi cho đúc 1 quả chuông khác thay thế cho quả chuông này. Tuy nhiên, quả chuông cũ này hiện vẫn còn được giữ lại đặt trong khuôn viên chùa Đại Bi, Thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

(30). *Gia phả họ Trần Huy* (bản lược dịch của Trần Huy Hân), tư liệu tại từ đường họ Trần Huy (thôn Văn Chàng, Thị trấn Nam Giang, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định).

(31). Cây đèn Lương long triều nguyệt (hai con rồng cháu mặt trăng) cao hơn 2m, có 36 ngọn. Cây đèn này hiện còn được lưu giữ tại đền làng; cây đèn Cửu diệu (chín ngôi sao sáng) cao hơn 2m, có 9 ngọn; cây đèn Nhị thập bát tú (28 vì sao) cao gần 3m, có 28 ngọn. Hai cây đèn này hiện nay đã được đưa về trưng bày tại Bảo tàng tỉnh Nam Định.

(32). Khóa hom được cấu tạo cấu kỳ bằng nhiều mảnh kim loại ghép lại, cài những mảnh đồng lá vụn, bó kín bằng đất nhuyễn cho vào lò nung, đồng chảy ra các mảnh kim loại liền nhau thành vỏ khóa. Vỏ khóa được phủ một lớp đồng mai của đẹp mắt và lâu bị han gỉ. Ruột khóa có nhiều hom và cựa vì thế nên gọi là khóa hom. Khóa hom rất hiếm, khác chìa không mở được, khi mở toàn bộ ruột khóa được đẩy ra ngoài. Năm Ất Hợi niên hiệu Tự Đức thứ 28 (1875), khi tôn tạo chùa Đại Bi thì những thợ rèn Văn Chàng đã tiến cúng vào đây một số ổ khóa hom. Đến nay đã trải qua hơn 100 năm nhưng vẫn còn ổ khóa ở cổng tam quan và hữu môn chùa.

(Xem tiếp trang 41)

317, Phòng ủy ban Hành chính Khu Tự trị Tây Bắc, TTLGQG III, tr. 15.

(13). Ủy ban Hành chính Khu Tự trị Tây Bắc, *Báo cáo tình hình cơ bản và tình hình cơ sở năm 1962 của các ngành của tỉnh Sơn La*, Chi cục Văn thư Lưu trữ tỉnh Sơn La, Sơn La, 1962, tr. 6.

(14). Ủy ban lâm thời phụ trách hành chính tỉnh Sơn La (28-4-1963), *Phương hướng, nhiệm vụ củng cố và mở rộng công tác xây dựng hợp tác xã khai hoang năm 1963*, Chi cục Văn thư Lưu trữ tỉnh Sơn La, tr. 6.

(15). Ban Khai hoang tỉnh Sơn La, *Báo cáo ngày 12-01-1965 về tình hình phong trào khai hoang năm 1964*, Chi cục Văn thư Lưu trữ tỉnh Sơn La, Sơn La, 1965, tr. 4.

(16), (17). Ban Khai hoang tỉnh Sơn La, *Báo cáo số 02-BC/KH ngày 10-3-1965 về tổng kết công tác khai hoang năm 1964 tỉnh Sơn La*, Chi cục Văn thư Lưu trữ tỉnh Sơn La, Sơn La, 1965, tr. 4, 4.

(18). Ty Khai hoang tỉnh Sơn La, *Phương*

hướng nhiệm vụ công tác khai hoang trong năm 1966, Chi cục Văn thư Lưu trữ tỉnh Sơn La, Sơn La, 1966, tr. 1.

(19). Tổng hợp, Ban Khai hoang tỉnh Sơn La (1965), *Báo cáo số 02-BC/KH ngày 10-3-1965 về tổng kết công tác khai hoang năm 1964 tỉnh Sơn La; Phương hướng nhiệm vụ công tác khai hoang trong năm 1966; Thông báo số 06-TB/KH ngày 8-12-1965 về tình hình thực hiện kế hoạch năm 1965 và nhiệm vụ công tác vận động nhân dân khai hoang của tỉnh Sơn La trong thời gian tới*, Chi cục Văn thư Lưu trữ tỉnh Sơn La.

(20). Ban Khai hoang tỉnh Sơn La, *Thông báo số 06-TB/KH ngày 8-12-1965 về tình hình thực hiện kế hoạch năm 1965 và nhiệm vụ công tác vận động nhân dân khai hoang của tỉnh Sơn La trong thời gian tới*, Chi cục Văn thư Lưu trữ tỉnh Sơn La, Sơn La, 1965, tr. 2.

NGHỀ RÈN SẮT Ở LÀNG VÂN CHÀNG, HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH ...

(Tiếp theo trang 24)

(34). Ngô Đức Lập: *Nghề rèn ở làng Trung Lương, Thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh*, Tạp chí Dân tộc học, số 6 năm 2010, tr.63.

(35). Nguyễn Thu Minh-Trần Văn Lạng: *Làng nghề rèn sắt ở Đức Thắng*, Viện Nghiên cứu Văn hóa: *Tổng tập nghề và làng nghề truyền thống Việt Nam*, tập 2, Sdd, tr.876.

(36), (38). Bùi Thị Tân: *Nghề rèn làng Hiến Lương và tổ chức "hàng kinh"*, Tạp chí Nghiên cứu

Lịch sử, số 6 năm 1992, tr.40, 40-43.

(37). Đặng Quang Liên: *Nghề luyện quặng sắt ở Nho Lâm (Diễn Châu)*, Viện Nghiên cứu Văn hóa: *Tổng tập nghề và làng nghề truyền thống Việt Nam*; tập 2, Sdd, tr.834

(39). Đào Tố Uyên - Bùi Văn Huỳnh, *Chợ Viêng Nam Giang - Lịch sử và truyền thống*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 6 (422) năm 2011, tr.11-21.